TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 386/2022/HCPT
Ngày 05/9/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Ông M1 Anh Tài.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 11/2022/TLPT-HC ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc "Khiếu kiện hủy quyết định hành chính", do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2021/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47978/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

**** Người khởi kiện**:* Bà Nguyễn Thị L (N), sinh năm 1939; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Chị Trần Thị N, sinh năm 1986; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Thống N, thị trấn Bá H, huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc.

**** Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc;

Địa chỉ: thị trấn Hương C, huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

- *Đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Viết B - Phó Chủ tịch; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1973; chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993; chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1995; chị Nguyễn Thị K1, sinh năm 1997; cùng địa chỉ: Tổ dân phố Thống N, thị trấn Bá

H, huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc.(chị H, anh Q, chị K: Có mặt; chị C, chị K1: Vắng mặt);

- *Người đại diện hợp pháp của chị C:* ông Nguyễn Công C1, sinh năm 1964; Địa chỉ: số 6 ngõ 376 Ngô Gia T, tổ 8 phường Đức G, quận Long B, thành phố Hà Nội; Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1977; địa chỉ: số 143/6, tổ 30, khu phố 4A, phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai; Vắng mặt ủy quyền cho chị Trần Thị N; Có mặt.

- Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1979; chị Trần Thị N, sinh năm 1986; chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: Tổ dân phố Thống N, thị trấn Bá H, huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị L trình bày:

Thửa đất số 380, diện tích đất 452m^2, tờ bản đồ 26; địa chỉ: Tổ dân phố Thống N, thị trấn Bá H, huyện Binh X, tỉnh Vĩnh Phúc do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Tam Đ cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho ông Nguyễn Văn M1 có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Thị L1 (mẹ đẻ bà L), chồng cụ L1 là cụ Nguyễn Văn B1 đã chết từ khi bà còn nhỏ. Khoảng năm 1963 cả làng Xóm Đ của Nội B di chuyển lên xã Bá H do nhà nước thu hồi đất để làm sân bay Nội B, trong đó có gia đình cụ L1. Cụ L1 và cụ B1 có 03 người con gồm bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị D (bà D lấy chồng ở Phú M, Hà Nội), còn bà L và bà N thì lấy chồng cùng làng nên cũng di dời lên xã Bá H theo chính sách của nhà nước theo gia đình nhà chồng. Cụ L1 lên xã Bá H và được giao thửa đất hiện nay đang tranh chấp tại thôn Thống N, còn vợ chồng bà L cũng ở cùng gia đình nhà chồng tại thôn Thống N, vợ chồng bà N cũng di dời và ở thôn Vinh T xã Bá H, sau này bà N chết. Quá trình cụ L1 ở trên thửa đất có vợ chồng bà thường xuyên chăm sóc cụ vì cụ L1 chỉ sống một mình. Vợ chồng bà L ở chung cùng gia đình nhà chồng có tạo dựng được 02 thửa đất mà 01 thửa hiện con anh M2 đang ở và 01 thửa đất con anh M, vợ con ông M1 đang quản lý sử dụng như hiện nay. Thời gian cụ L1 còn sống thì vợ chồng bà và các con ở trên thửa đất mà hiện con anh M2 đang ở, vẫn chăm nom cụ L1 và quản lý thửa đất cụ L1 được giao. Khi cụ L1 còn sống đã thừa kế cho vợ chồng bà thửa đất tranh chấp và bảo vợ chồng bà chăm nom, thờ cúng cụ L1 sau khi cụ mất, có ra xã thông báo về việc cho vợ chồng bà đất. Đến khoảng năm 1989 cụ L1 mất, vợ chồng bà đứng ra lo ma chay cho cụ L1, thường xuyên sang quản lý thửa đất của cụ L1 để lại. Khoảng năm 1990 ông M1 kết hôn với bà C (vợ ông M1) ở chung cùng vợ chồng bà được khoảng 02 tháng thì được ông Đ1, bà L cho ra ở riêng tại ngôi nhà 01 gian hai trái cũ ngày xưa tại góc vườn của thửa đất cụ L1 đã cho vợ chồng bà. Nhà cũ của cụ L1 vẫn do vợ chồng ông bà quản lý. Năm 1991 ủy ban xã có thông báo ngày 06/9/1991 nộp tiền đối với thửa đất của cụ L1 nên ông Đ1 đã nộp tiền với số tiền là 250.000 đồng. Đến năm 1993 khi xã có chủ làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng trên toàn xã, ông bà cứ nghĩ ông bà đã nộp tiền đối với thửa đất của cụ L1

thì đương nhiên được cấp nên không kê khai đối với thửa đất này. Vợ chồng bà không biết việc ông M1 tự ý đăng ký kê khai để được cấp GCNQSDĐ đối thửa đất này.

Năm 2000 vợ chồng bà phá hết nhà cũ đi xây lại ngôi nhà mái hiên tây và các công trình phụ nuôi bò, nuôi lợn, bếp và ở cùng các con chưa lập gia đình sống ổn định trên thửa đất này. Còn gia đình ông M1 cũng ở trên thửa đất này đến năm 2002, hai vợ chồng ông M1 đi làm ăn ở Miền Nam có gửi 02 con cho ông bà chăm sóc. Năm 2005 thì vợ chồng ông M1 về vẫn ăn riêng trên nhà 01 gian hai trái sau đó được vài tháng thì được vợ chồng ông Đ1, bà L cho vợ chồng ông M1 ra ở riêng trên một phần thửa đất 921, diện tích 360m^2 (theo bản đồ 299), theo bản đồ VN2000 đây là thửa 400, tờ bản đồ 47, diện tích 360m^2, phần còn lại của thửa đất này vẫn do gia đình anh M3 quản lý, sử dụng.

Năm 2004 anh M3 kết hôn với chị N và sống cùng ông Đ1, bà L trên thửa đất tranh chấp từ đó cho đến nay. Từ năm 2005 vợ chồng bà đã xác định chia thửa đất này 01 phần cho vợ chồng anh M, 01 phần cho chị Nguyễn Thị C ở Đồng Nai nên ông Đ1 có ra xã để thông báo địa chính xã vào sổ sách.

Năm 2006 ông Đ1, bà L phá gian nhà hai trái trước đây gia đình ông M1 ở để xây dựng 01 gian nhà cấp 4 lợp ngói và bể nước để cho chị C khi nào về thì quản lý sử dụng. Khi ông Đ1, bà L phá gian nhà hai trái này để xây nhà cho chị C (con gái ông Đ1, bà L) thì vợ chồng ông M1, bà C và các con không có ý kiến gì vì đã được ông Đ1, bà L cho đất tại thửa số 921.

Vợ chồng bà L quản lý sử dụng thửa đất này suốt từ những năm đó cho đến nay, thực hiện nghĩa vụ đóng thuế với nhà nước đầy đủ. Hơn nữa quá trình sử dụng xã Bá H trước đây nay là thị trấn Bá H đã có nhiều thông báo thuế gửi đến ông Đ1 để được cấp GCNQSDĐ và thực tế ông Đ1 đã nộp tiền mà chưa được cấp GCNQSDĐ. Không hiểu lý do vì sao ông Nguyễn Văn M1 lại được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất này, trong khi ông Nguyễn Văn M1 không phải là chủ sử dụng đất, chỉ được ông bà cho ra ăn riêng ở tạm trên một phần nhỏ của thửa đất trong thời gian ngắn lại có thời gian đi Miền Nam làm ăn, không nộp thuế sử dụng đất, không được ông bà có văn bản tặng cho đất mà đã tự ý kê khai được cấp GCNQSDĐ năm 1993 là không đúng quy định, đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông M1.

Đại diện của người bị kiện là UBND huyện Bĩnh X có đơn đề nghị xét xử văng mặt. Quá trình giải quyết vụ án đã có văn bản thể hiện quan điểm: Về việc cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn M1 thì UBND đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự theo quy định của pháp luật, đó là: Hội đồng xét cấp GCNQSDĐ xã Bá H, huyện Tam Đ (nay là thị trấn Bá H, huyện Bình X) đã triển khai việc đăng ký cấp GCNQSDĐ đến các tổ chức, cá nhân hộ gia đình trên địa bàn xã theo đúng quy định; Hội đồng đã tổ chức công khai hồ sơ cấp GCNQSDĐ từ ngày 17/8/1993 đến ngày 20/9/1993, không có đơn thư khiếu nại, thắc mắc nào của công dân; Hội đồng tiến hành họp xét việc cấp GCNQSDĐ có đầy đủ biên bản xét đối với 501 cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn xã trong đỏ có hộ gia đình ông M1; sau khi họp xét đã có tờ trình gửi UBND huyện Tam Đ đúng trình tự do pháp luật quy định; Sau khi UBND xã Bá H đề nghị, thấy hồ sơ đầy đủ, đúng pháp luật, UBND huyện Tam Đ đã ban hành Quyết định số 566/QĐ-UBND

ngày 29/11/1993 về việc cấp GCNQSDĐ cho 501 hộ gia đình, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Văn M1. Việc UBND huyện Tam Đ cũ (nay là huyện Bình X) cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông Nguyễn Văn M1 là đúng quy định của pháp luật tại thời điểm năm 1993 và tại thời điểm hiện nay. Do đó UBND huyện Bình X có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp là ông Nguyễn Văn M1 (ông M1 đã chết năm 2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị C, (vợ ông M1); anh Nguyên Vân Q, chị Nguyễn Thị K, chị Nguyễn Thị K1 (đều là các con cua ông M1) vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án đều thể hiện quan điểm: Nguồn gốc thửa đất số 380, tờ bản dồ 26, diện tích 452m^2 đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ đứng tên Nguyễn Văn M1 là do bà cùng chồng (ông Nguyễn Văn M1) khai hoang, cải tạo và sinh sống tại đó từ trước những năm 1990 được chính quyền xác nhận, năm 1991 vợ chồng bà xây nhà cấp 4, công trình phụ sinh sống tại đó; đến năm 1993 khi nhà nước có chính sách cấp bìa đỏ cho các hộ gia đình trên địa bàn xã thì ông Nguyễn Văn M1 (chồng bà) đã kê khai và nộp đầy đủ các loại thuế theo quy định của xã Bá H và sinh sống ổn định từ đó. Đến năm 1997 khi gia đình bà vào miền Nam để làm kinh tế mới có nhờ ông Đ1, bà L (là bố mẹ chồng) trông nhà và giữ hộ đất thì năm nào gia đình bà cũng về thăm quê và vẫn ở trên ngôi nhà trên phần diện tích đất này. Đến năm 2011 khi gia đình bà về quê để sinh sống thì thấy ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ của gia đình đã bị phá dỡ; gia đình bà có báo cáo sự việc chính quyền địa phương giải quyết nhưng không được; khi gia đình bà đến yêu cầu ông Đ1, bà L trả lại nhà đất thì bà L, cùng con là anh M xin ở nhờ vì nể tình cảm gia đình nên cho họ ở nhờ. Nay bà C và các con có quan điểm không chấp nhận yêu cầu của bà L vì đất của gia đình bà, đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn M, chị Trần Thị N, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị H1 và chị Nguyễn Thị C (con ông Đ1, bà L) đều có quan điểm Thống N nội dung của người khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy GCNQSDĐ đứng tên ông Nguyễn Văn M1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2021/HC-ST ngày 15/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quyết định căn cứ khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L (Na).

Hủy một phần Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 29/11/1993 của UBND huyện Tam Đ cũ về việc cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn M1 và Hủy GCNQSDĐ số D0006265 của UBND huyện Tam Đ cũ cấp ngày 29/11/1993 cho ông Nguyễn Văn M1 đối với thửa đất số 380, tờ bản đồ số 26 (bản đồ 299), diện tích 452 1TI tại to dân phố Thống N, thị trấn Bá H, huyện Bình X, tỉnh Vinh Phúc.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2021, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện chị Trần Thị N trình bày: Thửa đất số 380, diện tích đất 452m^2, tờ bản đồ 26; địa chỉ: Tổ dân phố Thống N, thị trấn Bá H, huyện Binh X, tỉnh Vĩnh Phúc do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Tam Đ cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho ông Nguyễn Văn M1 có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Thị L1 (mẹ đẻ bà L). Sau khi cụ L1 chết đã để lại cho bà L và ông Đ1 sử dụng, chị hoàn toàn nhất trí với bản án sơ thẩm; không nhất trí với kháng cáo của chị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H cho rằng: Diện tích đất mà UBND huyện Tam Đ đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M1 là do gia đình ông M1 khai hoang, kê khai nên không nhất trí Tòa án hủy một phần Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 29/11/1993 của UBND huyện Tam Đ cũ về việc cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn M1 và Hủy GCNQSDĐ số D0006265 của UBND huyện Tam Đ cũ cấp ngày 29/11/1993 cho ông Nguyễn Văn M1 đối với thửa đất số 380, tờ bản đồ số 26 (bản đồ 299), diện tích 452 1TI tại Tổ dân phố Thống N, thị trấn Bá H, huyện Bình X, tỉnh Vinh Phúc.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 3; Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật TTHC, Luật đất đai 2013; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết 326/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016; khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng pháp luật.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, đại diện người bị kiện UBND huyện Bình X; nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C (con gái ông Đ1, bà L), bà Nguyễn Thị C (vợ ông M1), chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Vàn Q, chị Nguyễn Thị K, chị Nguyễn Thị K1 đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử căn cứ Điều 158, 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của người có quyền lợi liên quan chị Nguyễn Thị H, thấy:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất số 380, tờ bản đồ số 26 (bản đồ 299), diện tích 452m^2 tại Tổ dân phố Thống N, thị trấn Bá H, huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc là của cụ Nguyễn Thị L1 (mẹ đẻ bà L). Cụ Nguyễn Thị L1 thuộc diện di dời để làm Sân bay Nội B ở Kim A, Hà Nội có lên cư trú tại địa phương từ khoảng năm 1963. Quá trình quản lý, sử dụng Ông Đ1, bà L là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất trên từ khi cụ L1 mất, đến năm 1991 UBND xã Bá H có thông báo cho ông Đ1, bà L đến UBND xã để nộp tiền sử dụng đất đối với thửa đất trên để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ thì ông Đ1, bà L đã nộp tiền đối với thửa đất của cụ L1 với số tiền là 250.000 đồng.

[2.2] Khoảng năm 1990 ông Nguyễn Văn M1 (con trai ông Đ1, bà L) kết hôn với bà Nguyễn Thị C (vợ ông M1) có ở chung cùng vợ chồng ông Đ1, bà L được khoảng 02 tháng đã được ông Đ1, bà L cho hai vợ chồng ra ở riêng tại ngôi nhà cũ ngày xưa tại góc vườn của thửa đất cụ L1. Toàn bộ nhà cũ của cụ L1 vẫn do vợ chồng ông Đ1, bà L quản lý, sử dụng. Đến năm 1993 ông M1 (con trai ông Đ1) được cấp GCNQSDĐ số D0006265 của UBND huyện Tam Đ cũ cấp ngày 29/11/1993 cho ông Nguyễn Văn M1 đối với thửa đất số 380, tờ bản đồ số 26 (bản đồ 299), diện tích 452 1TI tại Tổ dân phố Thống N, thị trấn Bá H, huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi ông M1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện, Thị trấn không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M1 và không thông báo cho bà L, ông Đ1 biết, chỉ đến khi hai bên xảy ra tranh chấp mới biết. Năm 2007 ông Nguyễn Văn Đ được UBND xã Bá H cấp GCNQSDĐ tạm thời đối với thửa đất trên.

[2.3] Năm 2000 vợ chồng bà L, ông Đ1 phá hết nhà cũ đi xây lại ngôi nhà mái hiên tây và các công trình phụ nuôi bò, nuôi lợn, bếp và các cụ cùng các con chưa lập gia đình sống ổn định trên thửa đất này, không ai có ý kiến gì về việc này. Đến năm 2002 hai vợ chồng ông M1, bà C cùng các con đi làm ăn ở miền Nam, khoảng năm 2005 thì vợ chồng ông M1 về không ở trên thửa đất này nữa mà vợ chồng ông M1 ra ở riêng trên một phần thửa đất 921, diện tích 360m^2 (theo bản đồ 299), theo bản đồ VN2000 đây là thửa 400, tờ bản đồ 47, diện tích 360m^2, hiện vợ con ông M1 vẫn ở trên phần đất này có nguồn gốc của ông Đ1, bà L, phần còn lại của thửa đất này vẫn do gia đình anh M3 quản lý, sử dụng. Theo Hồ sơ địa chính thể hiện năm 2005 thửa đất này đã được ông Đ1, bà L chia 01 phần cho vợ chồng anh M, 01 phần cho chị Nguyễn Thị C ở Đồng Nai. Năm 2006 ông Đ1, bà L phá nhà gian hai trái, xây dựng 01 gian nhà cấp 4 lợp ngói và bể nước để cho chị C khi nào về thì quản lý sử dụng.

[2.4] Mặt khác, khi giải quyết tranh chấp đất tại UBND thị trấn Bá H, cũng như giải quyết vụ kiện dân sự tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, ông M1

còn sống luôn cho rằng thửa đất của gia đình được nhà nước giao nhưng không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Đến khi bà L kiện vụ án hành chính đề nghị hủy GCNQSDĐ (lúc này ông M1 đã chết) thì gia đình ông M1 (bà C là vợ của ông M1 và các con của ông M1) cho rằng thửa đất số 380, tờ bản đồ 26 (bản đồ 299) tại Tổ dân phố Thống N, thị trấn Bá H, huyện Bình X có nguồn gốc do gia đình khai hoang, cải tạo từ những năm 1990 được nhà nước công nhận đã cho gia đình ông Đ1, bà L ở nhờ nhưng gia đình ông Đ1, bà L không trả; nhưng không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất và tài sản trên đất.

[2.5] Từ những phân tích tại các mục [2.1] đến [2.4] nêu trên và căn cứ vào hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn M1 đối với thửa đất 380, tờ bản đồ số 26 (bản đồ 299), diện tích 452m^2 tại Tổ dân phố Thống N, thị trấn Bá H, huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc, thấy: Việc UBND huyện Tam Đ cũ nay là huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 29/11/1993 của UBND huyện Tam Đ và GCNQSDĐ số D0006265 của UBND huyện Tam Đ cấp ngày 29/11/1993 cho ông Nguyễn Văn M1 đối với thửa đất số 380, tờ bản đồ số 26 (bản đồ 299), diện tích 452 1TI tại to dân phố Thống N, thị trấn Bá H, huyện Bình X, tỉnh Vinh Phúc; chỉ căn cứ vào kê khai của ông M1 mà không yêu cầu ông M1 xuất trình các văn bản, giấy tờ thể hiện ông M1 được cụ L1, ông Đ1 hay bà L chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, là người đã thực hiện nghĩa vụ tài chính, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến thửa đất này. Do đó, ông Nguyễn Văn M1 không phải là người sử dụng hợp pháp thửa đất này nên việc ông M1 kê khai để được cấp GCNQSDĐ là chưa đúng trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật.

Tòa án sơ thẩm đã xét xử và chấp yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L hủy một phần Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 29/11/1993 của UBND huyện Tam Đ; GCNQSDĐ cấp cho ông Nguyễn Văn M1 đối với thửa đất số 380, tờ bản đồ số 26 (bản đồ 299), diện tích 452m^2 tại Tổ dân phố Thống N, thị trấn Bá H, huyện Bình X, tỉnh Vinh Phúc là có căn cứ pháp luật. Do đó yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi liên quan chị Nguyễn Thị H không nhất trí việc Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L hủy hủy một phần Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 29/11/1993 của UBND huyện Tam Đ; GCNQSDĐ cấp cho ông Nguyễn Văn M1 đối với thửa đất số 380, tờ bản đồ số 26 (bản đồ 299), diện tích 452m^2 tại Tổ dân phố Thống N, thị trấn Bá H, huyện Bình X, tỉnh Vinh Phúc là có căn cứ pháp luật, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H và giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2021/HC-ST ngày 15/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phó do chị Nguyễn Thị H đã nộp tại Biên lai thu số 0006771 ngày 21/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *Các đương sự (theo đ/c);*
- *Lưu HS, PHCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hà